

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **78/2017/HSST**
Ngày: 06/12/2017.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

2/ Ông Trương Đức Lâm.

- *Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Ngọc Mai- cán bộ Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXX-HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

1. **Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1963.**

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B.

Nơi cư trú: H, xã T, huyện H, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: lớp 03/10;

Con ông: Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Nguyễn Văn H)- đã chết; và bà: Nguyễn Thị H (đã chết);

Vợ: Lê Thị D, sinh năm 1964; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 10/11/2017. Hiện tại ngoại- có mặt tại phiên toà.

- *Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đặng Thị B, sinh năm 1969- Vắng mặt.

TQ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1955- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh B.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1966- Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

NHẬN THẤY.

Bị cáo Nguyễn Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 là chủ nhà nghỉ Ho ở Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B Quá trình kinh doanh nhà nghỉ L quen Đặng Thị B-sinh năm 1969 ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B (B là gái bán dâm). B cho L số điện thoại di động để khi nào có khách đến mua dâm thì L sẽ gọi điện cho B đến nhà nghỉ Ho bán dâm hoặc B sẽ trực tiếp đến nhà nghỉ Ho để bán dâm cho khách. L và B thỏa thuận, khi có khách đến mua dâm L hoặc B sẽ thu của khách số tiền 200.000 đồng một lần mua dâm, B được hưởng 170.000 đồng, L được hưởng 30.000 đồng.

Khoảng 14 giờ ngày 15/8/2017, L đang ở nhà nghỉ Ho thì có đối tượng tự khai là Hoàng Văn Hu-sinh năm 1959 trú tại thôn Đức Nghiêm, xã Ngọc Sơn, huyện H, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Quang Thống - sinh năm 1955 trú tại thôn Quế Sơn, xã Thái Sơn, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn Lương-sinh năm 1966 trú tại thôn Dinh Hương, xã Đức Thắng, huyện H, tỉnh Bắc Giang đến nhà nghỉ Ho. Tại bàn uống nước trong phòng khách của nhà nghỉ, Hu đặt vấn đề mua dâm với L và bảo L gọi cho Hu một gái bán dâm. L đồng ý và sử dụng số điện thoại 0129.883.7668 gọi điện vào số điện thoại 0965.974.948 của B và hỏi: "Em đang ở đâu, có khách, có tiếp được không" (ý là có khách mua dâm và hỏi B có đi bán dâm không). Lúc này B nói đang ở trên phòng 203 nhà nghỉ Ho và đồng ý bán dâm. L nói với Hu giá mua dâm là 200.000 đồng. Sau đó, Hu đưa cho L 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền mua dâm, L cầm tiền và đưa cho Hu một bao cao su rồi bảo Hu lên phòng 203 quan hệ tình dục với B. Khi Hu và B đang quan hệ tình dục được khoảng 2-3 phút thì bị Công an huyện H bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại phòng 203, 01 bao cao su đã qua sử dụng; Thu giữ của Đặng Thị B 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, viên pin có số Imei 1 là 352221020262255 số Imei 2 là 352224020262255 nắp sim số 0965.974.948, 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen biển kiểm soát: 98D1-328.27 và số tiền 1.800.000 đồng; Thu của Nguyễn Văn L số tiền 360.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số Imei 1 là 353072065063382, số Imei 2 là 353072065063390 nắp sim số 0129.883.7668 và sim số 0972.355.366.

Cùng ngày 15/8/2017, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn L (nhà nghỉ Ho), kết quả thu giữ: Số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); 66 (sáu mươi sáu) chiếc bao cao su nhãn hiệu Condon Huaki, 04 (bốn) chiếc bao cao su nhãn hiệu Doctor đều chưa qua sử dụng; 01 (một) đầu lưu

camera nhãn hiệu Vicom, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép kinh doanh mang tên Nguyễn Văn L.

Ngoài hành vi phạm tội bị bắt quả tang nêu trên, Cơ quan điều tra chứng minh trước đó Nguyễn Văn L còn có 3 hành vi chứa mại dâm tại nhà nghỉ Ho, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ 34 phút ngày 15/8/2017 khi L đang ở nhà thì B đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát: 98D1-328.27 đến. Khoảng 03 phút sau thì có một người đàn ông trung tuổi (L không biết tên tuổi, địa chỉ của người đàn ông này) đi xe máy đến. L biết đây là khách mua dâm do chị B gọi đến vì lúc đó B cũng có mặt. B hỏi L lên phòng nào thì L bảo lên phòng 203. B cùng người khách này lên phòng 203 để mua bán dâm. Khi lên phòng, chị B có kích thích dương vật của người đàn ông này, tuy nhiên do cao tuổi nên không quan hệ tình dục được. B thu của người này 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Khoảng 30 phút sau thì người đàn ông này xuống và đi về. Số tiền này B vẫn giữ và chưa chia cho L.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 15/8/2017, L khai mình đang ở nhà nghỉ Ho thì có một người đàn ông khoảng 50 tuổi (L khai không biết tên, tuổi địa chỉ của người này) đến, L hỏi “anh thuê phòng à?” thì người này bảo có bạn ở phòng 203. L hiểu đó là khách đến mua dâm của B. Còn B khai người đàn ông này là khách do L giới thiệu đến (Cơ quan điều tra đã cho L và B đối chất nhưng L, B vẫn giữ lời khai của mình). Khi lên phòng 203, người đàn ông này nói với B: "Anh quen với anh L, anh L bảo anh lên phòng". B hiểu ý đây là khách mua dâm do L gọi đến nên đã đồng ý bán dâm. Lúc này B sử dụng số điện thoại 0965.974.948 gọi vào số điện thoại 0972.355.366 của L và bảo L mang cho mấy chiếc bao cao su lên phòng cho B. L đồng ý và mang cho B hai chiếc bao cao su. Sau đó, B và người đàn ông này quan hệ tình dục. B thu của người này số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Khoảng 09 giờ 30 phút thì người đàn ông này đi về. Số tiền này B vẫn giữ và chưa chia cho L.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 15/8/2017 khi L đang ở nhà nghỉ Ho thì có một người đàn ông trung tuổi (L không biết tên tuổi của người đàn ông này) đi xe máy đến. Lúc này, B đi ra ngoài sân và đưa người đàn ông này lên phòng 203. Thấy B xuống đón người này nên L biết đây là khách mua dâm do B gọi đến (B khai trước đó người đàn ông này có gọi điện thoại cho B và hẹn đến nhà nghỉ Ho) nên để cho B cùng người đàn ông này lên phòng 203 thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau khi quan hệ tình dục xong, B thu của người này số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Khoảng gần 12 giờ thì người đàn ông này về, còn B ở lại nhà của L ăn cơm sau đó lên phòng 203 nằm ngủ. Số tiền này B vẫn giữ và chưa chia cho L.

Nguyễn Văn L khai nhận buổi sáng ngày 15/8/2017 L biết có ba người đến mua dâm B như trên, L sẽ được hưởng 30.000 đồng mỗi lần B bán dâm nhưng đến cuối ngày L mới thu của B. L không thừa nhận mình là người gọi khách mua dâm thứ hai đến, L chỉ thừa nhận hướng dẫn người này đi xe và chỉ lên phòng 203 để B bán dâm.

Ngày 15/8/2017, Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen nắp sim số 0129.883.7668 và 0972.355.366 của Nguyễn Văn L. Kết quả: Tại phần danh bạ có lưu số điện thoại 0965.974.948 là “E mai”; tại mục gọi đi lúc 14 giờ 28 phút ngày 15/8/2017 từ số 0129.883.7668 đến số 0965.974.948 (thời gian gọi 44 giây); tại mục nhận cuộc gọi lúc 08 giờ 23 phút ngày 15/8/2017 có cuộc gọi đến từ số 0965.974.948 đến số 0972.355.366 (thời gian gọi 10 giây). Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, viền đỏ nắp sim số 0965.974.948 của Đặng Thị B, kết quả: Tại phần danh bạ có lưu số điện thoại 0972.355.366 lưu tên “A Le nh ngj” và có nội dung cuộc gọi đến số điện thoại của L như trên. L và B trình bày các cuộc gọi này là L và B gọi cho nhau để B bán sâm tại nhà nghỉ Ho.

Ngày 24/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định số 18, 19 thu giữ thư tín, điện tín tại Bưu điện đối với các số điện thoại di động của L là 0972.355.366 và số 01298.837.668, số điện thoại của B là 0965.974.948 sử dụng trong việc giao dịch, mua bán sâm. Kết quả, ngày 15/8/2017, Nguyễn Văn L và Đặng Thị B có liên lạc với nhau.

Ngày 22/8/2017, Cơ quan điều tra cho Nguyễn Văn L, Đặng Thị B xem lại hình ảnh video lưu trữ trong đầu lưu camera nhãn hiệu Vicom, màu đen thu giữ tại nhà nghỉ Ho khi khám xét khẩn cấp, kết quả Nguyễn Văn L và Đặng Thị B xác định:

- Hình ảnh một người phụ nữ mặc áo mưa đi xe mô tô nhãn hiệu Wave đến nhà nghỉ “Ho” lúc 07 giờ 34 phút 47 giây ngày 15/8/2017 là Đặng Thị B.

- Hình ảnh một người đàn ông đội mũ cối, mặc quần áo dài đến gặp L và B đang nói chuyện ở sân lúc 07 giờ 37 phút ngày 15/8/2017 là khách đến mua sâm đầu tiên.

- Hình ảnh một người đàn ông mặc quần ngắn, áo phông cộc tay đi xe mô tô nhãn hiệu Wave ra khỏi nhà nghỉ lúc 09 giờ 36 phút ngày 15/8/2017 là khách mua sâm thứ hai.

- Hình ảnh L đang đứng ở sân thì có một người đàn ông mặc B quần áo loại dãn ri B đội đi xe mô tô đến, L hướng dẫn chỗ để xe, B xuống sân đón người đàn ông này lúc 10 giờ 45 phút 31 giây ngày 15/8/2017. Đây là khách mua sâm thứ ba của B. Đến 11 giờ 38 phút 33 giây cùng ngày thì thấy hình ảnh người đàn ông này đi về.

- Hình ảnh có ba người đàn ông đến lúc 14 giờ 20 phút ngày 15/8/2017. Đây là Hu, Thống và Lương. Sau đó Hu đặt vấn đề mua sâm với L và B bán sâm cho Hu thì bị bắt quả tang.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát: 98D1- 328.27 là của chị Trương Thị Y-sinh năm 1996 (là con dâu Đặng Thị B). Chị Y khai không biết B mượn xe để làm phương tiện đi bán sâm. Ngày 25/10/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Y chiếc xe trên. Các tài sản và vật chứng khác hiện nay đang tạm giữ.

Từ hành vi chứa mại sâm trên của Nguyễn Văn L, tại bản cáo trạng số 87/KSĐT ngày 15/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh

Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội Chứa mại dâm theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận đã có hành vi chứa mại dâm như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên. Nhận thức rõ hành vi chứa mại dâm của bị cáo là vi phạm pháp luật nên khi bị bắt quả tang đã thành khẩn khai báo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội Chứa mại dâm theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 5 điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn L từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù về tội Chứa mại dâm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ đi số ngày đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 15/8/2017 đến ngày 10/11/2017).

Phạt Nguyễn Văn L từ 05 triệu đến 06 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, d khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, viền đỏ, có số IMEI: 352221020262255 lắp sim điện thoại số 0965974948 thu giữ của Đặng Thị B; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số IMEI 1: 353072065063382 và số IMEI 2: 353072065063390 lắp sim điện thoại số 0129.883.7668 và 0972.355.366 thu giữ của Nguyễn Văn L, là số tiền và điện thoại bị cáo L và Đặng Thị B sử dụng vào việc phạm tội và thu lời bất chính mà có;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng, 66 (sáu mươi sáu) chiếc bao cao su nhãn hiệu Condon Huaki, 04 (Bốn) bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa qua sử dụng là vật chứng của vụ án và không còn giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) đầu lưu camera nhãn hiệu Vincom, màu đen, đã qua sử dụng; 01 giấy phép kinh doanh mang tên Nguyễn Văn L. Trả lại Đặng Thị B số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thuộc sở hữu hợp pháp của chị B.

Trả lại Nguyễn Văn L số tiền 5.160.000đ (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) là số tiền thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- *Về án phí:* □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ng- ời làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang và vật chứng thu đ- ọc của vụ án.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ng- ời làm chứng, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang về thời gian, địa điểm và quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Nh- vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ để kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Chứa mại dâm, vi phạm điểm c khoản 2 điều 254 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ra một d- luận xấu, là cơ sở phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và các bệnh tật phát sinh khác, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con ng- ời, bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc, tác động nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội mà Đảng và Nhà n- ớc ta luôn trú trọng đấu tranh ngăn chặn. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn đe phòng ngừa chung. Đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền sung vào công quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo: bị cáo xuất thân từ thành phần nông dân lao động, trình độ văn hóa lớp 03/10, có đầy đủ nhận thức về tác hại của tệ nạn mại dâm nh- ng vẫn có hành vi phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đ- ọc h- ồng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- *Về vật chứng của vụ án:*

Số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, viền đỏ, có số IMEI: 352221020262255 lắp sim điện thoại số 0965974948 thu giữ của Đặng Thị B và số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số IMEI 1: 353072065063382 và số IMEI 2: 353072065063390 lắp sim điện thoại số 0129.883.7668 và 0972.355.366 thu giữ của Nguyễn Văn L, là số tiền và điện thoại bị cáo L và Đặng Thị B sử dụng vào việc phạm tội và thu lời bất chính mà có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 (một) bao cao su đã qua sử dụng, 66 (sáu mươi sáu) chiếc bao cao su nhãn hiệu Condon Huaki, 04 (Bốn) bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa qua sử dụng là vật chứng của vụ án và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy:

01 (một) đầu lưu camera nhãn hiệu Vincom, màu đen, đã qua sử dụng; 01 giấy phép kinh doanh mang tên Nguyễn Văn L là tài sản hợp pháp của bị cáo cần trả lại bị cáo Nguyễn Văn L. Số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thuộc sở hữu hợp pháp của chị B, cần trả lại Đặng Thị B. Số tiền 5.160.000đ (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) là số tiền thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo L, cần trả lại Nguyễn Văn L, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Việc truy tố và mức án do Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, cần được nghiên cứu xem xét.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị B còn khai nhận trước ngày 15/8/2017, B đã có hai lần bán dâm tại nhà nghỉ Ho, số tiền thu được của khách mua dâm là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), L được hưởng 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, L không thừa nhận hành vi trên. Cơ quan điều tra đã cho L và B đối chất nhưng không có kết quả. Vì vậy không xem xét trong vụ án này.

Nguyễn Quang T khai nhận: Trước ngày 15/8/2017, Thống đã hai lần đến nhà nghỉ Ho” gặp L để đặt vấn đề mua dâm. L đều đồng ý và gọi gái bán dâm đến và thu tiền của T mỗi lần là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). L không thừa nhận hành vi trên và khai nhận: chiều ngày 15/8/2017, Thống có đặt vấn đề với L gọi cho một gái bán dâm, nhưng T không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã cho T và L đối chất về nội dung trên nhưng không có kết quả.

Đối với hành vi bán dâm của Đặng Thị B, ngày 27/10/2017 Trưởng Công an huyện H đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với B về hành vi “Bán dâm”.

Đối với đối tượng tự khai là Hoàng Văn Hu có hành vi mua dâm, quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra lợi dụng sơ hở của cán B điều tra, Hu đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra xác minh tại địa phương nhưng không có người nào có lý lịch như đối tượng khai. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối tượng này.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

□p dụng điểm c khoản 2 và khoản 5 điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 2 Điều 327 của B luật hình sự năm 2015; Điều 231; Điều 233; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn L **05 (Năm) năm tù** về tội Chứa mại dâm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, đ- ọc trừ đi số ngày đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 15/8/2017 đến ngày 10/11/2017).

Phạt Nguyễn Văn L **05 (Năm)** triệu đồng để sung công quỹ Nhà n- ớc.

- *Về vật chứng của vụ án:* □p dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà n- ớc số tiền 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng, viền đỏ, có số IMEI: 352221020262255 lắp sim điện thoại số 0965974948 thu giữ của Đặng Thị B; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số IMEI 1: 353072065063382 và số IMEI 2: 353072065063390 lắp sim điện thoại số 0129.883.7668 và 0972.355.366 thu giữ của Nguyễn Văn L, là số tiền và điện thoại bị cáo L và Đặng Thị B sử dụng vào việc phạm tội và thu lời bất chính mà có;

Tịch thu tiêu hủy: **01 (một)** bao cao su đã qua sử dụng, 66 (sáu mươi sáu) chiếc bao cao su nhãn hiệu Condon Huaki, 04 (Bốn) bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa qua sử dụng là vật chứng của vụ án và không còn giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn L **01 (một)** đầu lưu camera nhãn hiệu Vincom, màu đen, đã qua sử dụng; 01 giấy phép kinh doanh mang tên Nguyễn Văn L. Trả lại Đặng Thị B số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thuộc sở hữu hợp pháp của chị B.

Trả lại Nguyễn Văn L số tiền 5.160.000đ (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) là số tiền thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- *Về án phí:* □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành án xong. Các khoản tiền phạt hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm, t-ong ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn.